

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND Lào Cai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-SNNMT ngày 11/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Yên Bái (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai) về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp GPMT dự án Nhà máy sản xuất gạch Tuynel và chưng cất dầu FO-R;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Sông Hồng tại Công văn số 11/CV-CNSH ngày 11/3/2025 và Công văn số 10/CV-CNSH ngày 10/4/2026 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất gạch Tuynel và chưng cất dầu FO-R tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 332/TTr-SNNMT ngày 06/5/2026 và Văn bản số 4479/SNNMT-CCMT ngày 26/5/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Sông Hồng, địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch Tuynel và chung cất dầu FO-R, địa chỉ tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất gạch Tuynel và chung cất dầu FO-R

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 6467261357 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Yên Bái (nay là Ban Quản lý các KCN tỉnh Lào Cai) chứng nhận lần đầu ngày 24/08/2010 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 30/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 5200565662.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, tái chế phế liệu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích sử dụng đất: 45.790,6m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm B.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: Chung cất dầu FO-R từ nguyên liệu chính là cao su và nhựa plastic, với quy mô công suất chung cất 4.500 tấn nguyên liệu/năm. Sản xuất gạch Tuynel: công suất 15 triệu viên/năm.

- Công nghệ sản xuất:

+ Đối với dây chuyền dầu FO-R: Nguyên liệu → Cát → Đưa vào lò → Phân tách → Ngưng tụ → Thành phẩm → Đóng gói thành phẩm và sử dụng.

+ Đối với dây chuyền gạch Tuynel: Nguyên liệu → Thùng cấp liệu → Máy nhào, cán → Ủ gạch → Tạo hình → Nung → Gạch thành phẩm → Phoi nguội → Đóng thành phẩm .

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Sông Hồng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Sông Hồng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân phường Văn Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường Dự án Nhà máy sản xuất gạch Tuynel và chưng cất dầu FO-R theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đc Phan Trung Bá);
- Các Sở: Công thương; Xây dựng; KH&CN;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (01 bản);
- Ban quản lý các Khu công nghiệp;
- Ủy ban nhân dân phường Văn Phú;
- Công ty Cổ phần ĐTPTCN Sông Hồng;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trung Bá

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên sinh hoạt tại nhà máy.
- Nguồn thải số 02: Nước rửa thép của quá trình chung cất dầu FO-R.
- Nguồn thải số 03: Nước thải từ quá trình làm mát của dây truyền chung cất dầu FO-R.
- Nguồn thải số 04: Nước thải làm ẩm than từ bệ chứa than của dây truyền chung cất dầu FO-R.
- Nguồn thải số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải của dây truyền chung cất dầu FO-R.
- Nguồn thải số 06: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất gạch Tuynel.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 1): Sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày đêm theo đường ống xả ra rãnh thoát nước chung của khu vực Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

2.1.2. Vị trí xả thải

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^o45', múi chiếu 3^o) X (m): 2 398 461; Y(m): 520 621.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,6 m³/ngày đêm hoặc 0,23 m³/giờ.

2.1.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.1.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.1.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn hiện hành là

QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, Bảng 2) với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2025/ BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1.	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2.	BOD ₅	mg/L	≤ 30		
3.	COD	mg/L	≤ 60		
4.	TSS	mg/L	≤ 100		
5.	Amoni	mg/L	≤ 8,0		
6.	Tổng N	mg/L	≤ 30		
7.	Tổng P	mg/L	≤ 3,0		
8.	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	≤ 5.000		
9.	Sulfua	mg/L	≤ 0,5		
10.	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 15		
11.	Chất HDBM anion	mg/L	≤ 5,0		

2.2. Nguồn số 2 đến nguồn số 6: Tuần hoàn, tái sử dụng không xả thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải về hệ thống xử lý nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

Dự án có 01 dòng nước thải (dòng nước thải số 01) xả vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của khu điều hành: được thu gom xuống bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (công suất 15 m³/ngày đêm).

- Nước thoát sàn từ chậu rửa chân tay, nước lau rửa sàn: được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (công suất 15 m³/ngày đêm).

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phía Nam sau đó xả ra ngoài môi trường.

1.2. Nước thải sản xuất

- Dòng nước thải số 02 (*tương ứng với nguồn số 02*): Nước rửa thép của quá trình chung cất dầu FO-R được thu gom bằng rãnh thoát nước (tách riêng với hệ thống thoát nước mưa và nước thải của dự án) về 01 bể lắng. Nước sau khi được lắng cặn than sẽ được bơm tuần hoàn trở lại cho quá trình rửa thép, không thải ra môi trường.

- Dòng nước thải số 03 (*tương ứng với nguồn số 03*): Nước làm mát trong quá trình chung cất dầu FO-R sẽ được dẫn qua tháp giải nhiệt để giải nhiệt, nước sau giải nhiệt được bơm về bể chứa trước khi bơm tuần hoàn tái sử dụng để làm mát, không xả ra môi trường.

- Dòng nước thải số 04 (*tương ứng với nguồn số 04*): Nước tưới ẩm, làm mát than theo hệ thống đường ống lọc trên thành bể chứa than về 01 bể lắng. Nước được bơm tuần hoàn cho quá trình cấp ẩm than, không xả ra môi trường.

- Dòng nước thải số 05 (*tương ứng với nguồn số 05*): Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải (tháp hấp thụ và hệ thống lọc tĩnh điện) sẽ được thu gom về bể lắng và được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường.

- Dòng nước thải số 06 (*tương ứng với nguồn số 06*): Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải sẽ được thu gom về bể lắng và được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

2.1. Nước thải sinh hoạt (dòng nước thải số 01)

- Quy trình xử lý: Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Rãnh thoát nước chung của Khu công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine hoặc hóa chất tương đương.

2.2. Nước thải sản xuất

- Dòng nước thải số 02:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sau rửa thép → Bể lắng → Tái sử dụng để rửa thép, không xả ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: Bể lắng dung tích 30 m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Dòng nước thải số 03:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước làm mát cho quá trình chưng cất dầu FO-R → Tháp giải nhiệt → Bể lắng → Tái sử dụng để làm mát cho quá trình chưng cất dầu FO-R.

+ Công suất thiết kế: Tháp giải nhiệt công suất 50RT (tản lạnh). Bể chứa dung tích 50 m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Dòng nước thải số 04:

+ Quy trình công nghệ xử lý : Nước tưới ẩm làm mát than → Bể chứa than (lắng cặn) → Bể lắng → Tái sử dụng để tưới ẩm cho than.

+ Công suất thiết kế: Bể lắng dung tích 90 m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Dòng nước thải số 05:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sau hấp thụ khí thải → Bể lắng → Tái sử dụng, không xả ra môi trường (định kỳ 6 tháng thuê đơn vị có chức năng đến thu gom để xử lý nước bẩn, cặn lắng).

+ Công suất thiết kế: Bể lắng dung tích 10m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

- Dòng nước thải số 06:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sau hấp thụ khí thải → Bể lắng → Tái sử dụng, không xả ra môi trường (định kỳ 6 tháng thuê đơn vị có chức năng đến thu gom để xử lý nước bẩn, cặn lắng).

+ Công suất thiết kế: Bể lắng dung tích 10m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
 - Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống, công trình.
 - Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường cống thoát nước, tránh gây tắc nghẽn, ú đọng.

- Chuẩn bị sẵn vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.

- Định kỳ nạo vét bùn thải trong các bể xử lý, hệ thống hố ga thoát nước; thuê đơn vị có năng lực định kỳ đến thu gom, xử lý, không thải ra môi trường.

5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi nước thải: Nước thải sau xử lý của dự án khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của KCN phải đáp ứng quy định Ban quản lý các KCN và quy định của địa phương.

II. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý nước thải. Chủ dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý nước thải của dự án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 15 m³/ngày đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định mục II Phần A Phụ lục này.

3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28/02/2025 và Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

III. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục II Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; khuyến khích việc có công tơ điện độc lập, nhật ký vận hành xử lý (*ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra nếu có; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm*) đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

5. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực./.

PHỤ LỤC 2:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

I. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt phân của dây truyền sản xuất dầu FO-R.
- Nguồn thải số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò nung - sấy của dây truyền sản xuất gạch Tuynel.
- Nguồn thải số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lọc bụi túi vải trong quá trình xả giảm áp thu hồi cacbon đen dây truyền sản xuất dầu FO-R.

II. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn số 01 của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất dầu FO-R. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45''*, *múi chiều 3°*): X (m): 2397817; Y(m): 519903.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với nguồn số 02 của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất gạch Tuynel. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45''*, *múi chiều 3°*): X (m): 2397770; Y(m): 519894.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với nguồn số 03 của hệ thống lọc bụi túi vải trong quá trình xả giảm áp thu hồi cacbon đen của dây truyền sản xuất dầu FO-R. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45''*, *múi chiều 3°*): X(m): 2397704; Y(m): 519770.

2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 55.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng 30.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng 10.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng 15.000 m³/giờ.

2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường không khí thông qua ống thải, xả liên tục khi có hoạt động tại hệ thống, dây chuyền, thiết bị tương ứng.

2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí* phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, Bảng 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải 01				
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤300	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	≤400		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤80		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤400		
5	H ₂ S	mg/Nm ³	≤7		
6	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤20		
II	Dòng khí thải 02				
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤300	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	≤250 (13)		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤80		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤400		
5	Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua)	mg/Nm ³	≤3		
III	Dòng khí thải 03				
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤300	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	≤400		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤80		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤400		
5	H ₂ S	mg/Nm ³	≤7		
6	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Dòng khí thải số 01 (*Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất dầu FO-R*): Khí thải từ quá trình nhiệt phân được hút sang hệ thống xử lý khí thải (*gồm 01 tháp hấp thụ, hệ thống lọc bụi tĩnh điện ướt*), khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 02 (*Ống khói thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất gạch Tuynel*): Toàn bộ lượng khí thải từ lò sấy sẽ được đưa vào tháp hấp thụ để xử lý bụi, khí thải. Khí sau khi xử lý tại tháp hấp thụ sẽ thoát ra môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 03 (*Ống thoát khí của hệ thống lọc bụi túi vải trong quá trình xả giảm áp thu hồi cacbon đen của dây truyền sản xuất dầu FO-R*): Không khí lẫn bụi than được thu và dẫn tới hệ thống lọc bụi túi vải để loại bỏ bụi, khí thải sau xử lý được thải ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Mùi hôi, hơi dầu phát sinh khi kết thúc vận hành: Tại 02 tháp lọc (dung tích mỗi tháp 20m³), 03 bồn chứa dầu thành phẩm (dung tích bồn 150 m³/bồn), mỗi vị trí lắp đặt có 1 ống thông hơi có bố trí lưới kỹ thuật, khử mùi bằng than hoạt tính dày 0,3m, định kỳ thay than hoạt tính 06 tháng/1 lần.

2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

2.1. Dây truyền sản xuất dầu FO-R:

a) Dòng thải số 01:

- Quy trình xử lý: Khí thải từ dây truyền → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Hệ thống lọc bụi tĩnh điện ướt → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 10.000m³/h/dây chuyền sản xuất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch kiềm NaOH.

b) Dòng thải số 03:

- Quy trình xử lý: Khí thải từ dây truyền → Quạt hút → Tháp lọc bụi túi vải → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/h/dây chuyền sản xuất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

c) Mùi hôi, hơi dầu phát sinh khi kết thúc vận hành:

- Quy trình xử lý: Tháp lọc/bồn chứa thành phẩm → ống thông khí (*có bố trí lưới kỹ thuật, khử mùi bằng than hoạt tính dày 0,3 m*) → Môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2.2. Dây truyền sản xuất gạch Tuynel:

Dòng thải số 02:

- Quy trình xử lý: Khí thải từ dây truyền → Quạt hút → Tháp lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 10.000m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm NaOH.

3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống, công trình.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, tránh gây tắc nghẽn, ú đọng.
- Chuẩn bị sẵn vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.
- Khi xảy ra sự cố, chủ dự án phải cho ngừng hoạt động tại khu vực phát sinh khí thải, tìm ra nguyên nhân sử chữa, khắc phục kịp thời; chỉ đưa dây truyền sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục và bảo đảm chất lượng khí thải xử lý đạt quy chuẩn quy định và mục II phần A Phụ lục này.

II. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý bụi, khí thải. Chủ dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải của dự án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.1. Công trình, thiết bị

- Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất dầu FO-R công suất 30.000 m³/h.

- Ống thoát khí của hệ thống lọc bụi túi vải của dây truyền sản xuất dầu FO-R công suất 15.000 m³/h.

- Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của dây truyền sản xuất gạch Tuynel công suất 10.000 m³/h.

2.2. Vị trí lấy mẫu: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý theo vị trí xả thải tại mục A phụ lục này.

2.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục II Phần A Phụ lục này.

3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28/02/2025 và Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

III. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục II phần A phụ lục này trước khi thải ra môi trường.

2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải ra ngoài môi trường không đúng quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực./.

PHỤ LỤC 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động các máy móc của dây chuyền sản xuất.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2025/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2025/BTNMT, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Stt	Khoảng thời gian	Giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (dBA)	Khu vực bị ảnh hưởng
1	06h00 - trước 18h00	65	Khu vực D
2	18h00 - trước 22h00	60	
3	22h00 - trước 06h00	55	

2.2. Độ rung

Stt	Khoảng thời gian	Giá trị tối đa cho phép đối với mức rung, dB	Khu vực bị ảnh hưởng
1	06h00 - trước 22h00	75	Khu vực D
2	22h00 - trước 06h00	70	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để hạn chế người, xe tải trọng lớn ra vào khu vực.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.
- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình cơ sở hoạt động.

2.3. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

2.4. Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và dân cư xung quanh khu vực.

2.5. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của cơ sở gây ra./.

PHỤ LỤC 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	ĐVT/năm	Số lượng trung bình
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	Kg	5
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	Kg	50
3	Can chứa dầu mỡ, cặn dầu mỡ	Rắn	Kg	50
4	Bộ lọc dầu thải	Rắn	Kg	50
5	Dầu thủy lực thải	Lỏng	Kg	30
6	Than hoạt tính thải	Rắn	Kg	500
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	Kg	50
8	Chất thải phát sinh từ thiết bị làm mát	Lỏng/bùn	Kg	500
9	Bùn xử lý khí thải	Lỏng/bùn	Kg	1.000
Tổng số lượng				2.235

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	45 Kg/ngày
2	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung, bể tự hoại	100 Kg/năm

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Thép	270 kg/năm
2	Tro, cặn	675 kg/năm

II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Số lượng khu vực lưu giữ: 01 khu vực.
- Diện tích: 15 m².

2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Số lượng khu vực lưu giữ: 01 khu vực.
- Diện tích: 15 m².

3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty bố trí dụng cụ thu gom, lưu chứa và hằng ngày chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyên, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (*không bố trí kho hoặc khu vực lưu chứa*).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5:

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp.

3. Thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động.

4. Bố trí hệ thống thu gom, thoát nước mưa đảm bảo khả năng tiêu thoát nước và không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

7. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.